

ĐỀ CƯƠNG TUYÊN TRUYỀN
KỶ NIỆM 48 NĂM NGÀY GIẢI PHÓNG MIỀN NAM
(30/4/1975 - 30/4/2023) VÀ 137 NĂM NGÀY QUỐC TẾ
LAO ĐỘNG (1/5/1886 – 1/5/2023)

I. CHẶNG ĐƯỜNG LỊCH SỬ, CHIẾN CÔNG OANH LIỆT CỦA SỰ
NGHIỆP CHỐNG MỸ CỨU NƯỚC, GIẢI PHÓNG HOÀN TOÀN MIỀN
NAM, THỐNG NHẤT ĐẤT

1. Bối cảnh quốc tế và trong nước

Trên thế giới, sau Chiến tranh thế giới thứ hai, đế quốc Mỹ có tiềm lực rất mạnh, nổi lên cầm đầu phe đế quốc, hiếu chiến và âm mưu bá chủ thế giới, từng bước khẳng định sự có mặt ở Đông Dương. Sau thất bại của thực dân Pháp ở Điện Biên Phủ, chủ nghĩa thực dân cũ sụp đổ, đế quốc Mỹ nhảy vào miền Nam Việt Nam, áp đặt chủ nghĩa thực dân mới, âm mưu chia cắt lâu dài đất nước ta. Lúc này trên thế giới đã phân chia thành hai hệ thống đối đầu gay gắt bằng cuộc “chiến tranh lạnh” và chạy đua vũ trang quyết liệt. Hệ thống chủ nghĩa xã hội (XHCN), phong trào công nhân ở các nước tư bản, phong trào giải phóng dân tộc ở khắp nơi trên thế giới dâng cao.

Trong nước, sau 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp, miền Bắc được giải phóng và bước vào thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội, miền Nam vẫn dưới ách thống trị của đế quốc Mỹ và tay sai. Đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước trở thành nhiệm vụ thiêng liêng của toàn dân tộc ta.

2. Những bước phát triển của cuộc kháng chiến.

Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của Nhân dân ta trải qua gần 21 năm, là cuộc kháng chiến lâu dài, gian khổ và nhiều thách thức, ác liệt. Đảng và Nhân dân ta phải đấu trí và đấu sức chống Đế quốc Mỹ có tiềm lực về khóc học - kinh tế - quân sự. Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước đã trải qua nhiều giai đoạn, phải đối phó lần lượt với các kế hoạch, chiến lược của đế quốc Mỹ.

Giai đoạn từ tháng 7/1954 đến hết năm 1960:

Đấu tranh giữ gìn lực lượng, chuyển dần sang thế tiến công, làm thất bại bước đầu phương thức chủ nghĩa thực dân mới của đế quốc Mỹ.

Những chiến thắng oanh liệt trong kháng chiến chống thực dân Pháp mà đỉnh cao là Chiến thắng Điện Biên Phủ năm 1954 đã buộc thực dân Pháp và can thiệp Mỹ phải ký Hiệp định Giơnevơ về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam và Đông Dương, cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam, Campuchia và Lào. Nhưng với những mưu đồ đã dự tính từ trước, đế quốc Mỹ trắng trợn phá hoại Hiệp định Giơnevơ, hắt cẳng Pháp, gạt bỏ những thế lực tay sai của Pháp, dựng lên chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm, thực hiện chính sách thực dân mới, mưu đồ chia cắt lâu dài đất nước ta. Chính

quyền Mỹ - Diệt tập trung thực hiện biện pháp “tổ cộng”, “diệt cộng” đàn áp, khủng bố phong trào yêu nước, trả thù những người kháng chiến cũ, tiêu diệt cơ sở cách mạng ở miền Nam, ban hành Luật 10/59 “đặt cộng sản ra ngoài vòng pháp luật”, biến cả miền Nam thành nơi tràn ngập nhà tù, trại giam, trại tập trung. Cách mạng miền Nam bị chìm trong biển máu.

Đứng trước tình thế mới, Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lãnh đạo quân và dân cả nước thực hiện đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược: Một là cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, xây dựng miền Bắc thành căn cứ vững mạnh của cách mạng cả nước. Hai là cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam nhằm giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc Mỹ và tay sai, thực hiện thống nhất nước nhà. Thực hiện nhiệm vụ trên, miền Bắc tích cực triển khai những công việc bên lề sau chiến tranh, nhanh chóng tổ chức cuộc sống mới. Trong ba năm (1958-1960), chúng ta đã hoàn thành về cơ bản công cuộc cải tạo XHCN, căn bản xoá bỏ chế độ bóc lột, bước đầu xây dựng, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội theo con đường đi lên CNXH, chuẩn bị một số nội dung cho cách mạng cả nước trong giai đoạn mới.

Ở miền Nam, cuộc đấu tranh diễn ra vô cùng khó khăn, ác liệt, nhưng đại bộ phận Nhân dân vẫn một lòng theo Đảng, bất khuất chống áp bức, khủng bố, bảo vệ lực lượng cách mạng. Nghị quyết 15 của Trung ương Đảng ra đời, xác định rõ mục tiêu, phương pháp cách mạng miền Nam, mối quan hệ chiến lược của cách mạng hai miền, giữa cách mạng Việt Nam và cách mạng thế giới; phản ánh đúng nhu cầu của lịch sử, giải quyết kịp thời yêu cầu phát triển của cách mạng miền Nam; định hướng và động viên Nhân dân miền Nam vùng lên đấu tranh, tạo ra phong trào Đồng khởi (1959 - 1960), xoay chuyển tình thế cách mạng miền Nam, làm tan rã hàng loạt bộ máy của ngụy quyền ở các thôn, xã.

Giai đoạn từ đầu năm 1961 đến giữa năm 1965:

Giữ vững và phát triển thế tiến công, đánh bại chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ. Từ cuối năm 1960, đế quốc Mỹ thay đổi chiến lược, chuyển sang chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” đối phó với cách mạng miền Nam. Đó là chiến lược dùng quân đội ngụy tay sai làm công cụ tiến hành chiến tranh, càn quét, dồn dân vào ấp chiến lược, đưa 10 triệu nông dân miền Nam vào các trại tập trung, tách lực lượng cách mạng ra khỏi Nhân dân. Cuộc đấu tranh của Nhân dân miền Nam chuyển sang giai đoạn mới, từ khởi nghĩa từng phần lên chiến tranh cách mạng, kết hợp song song cả đấu tranh vũ trang và đấu tranh chính trị, đánh địch bằng cả ba mũi giáp công, trên cả ba vùng chiến lược, làm phá sản chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ và tay sai. Trên miền Bắc, các mặt trận kinh tế, văn hóa, an ninh quốc phòng đều có bước phát triển mới. Quân và dân miền Bắc thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, vừa sản xuất vừa sẵn sàng chiến đấu và chi viện cho miền Nam.

Giai đoạn từ giữa năm 1965 đến hết năm 1968:

Đảng phát động toàn dân chống Mỹ cứu nước, đánh bại chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của đế quốc Mỹ ở miền Nam, đánh thắng cuộc phá hoại bằng không quân, hải quân lần thứ nhất ở miền Bắc. Trước nguy cơ phá sản của “Chiến tranh đặc biệt”, đế quốc Mỹ chuyển sang chiến lược “Chiến tranh cục bộ”, sử dụng quân đội Mỹ là lực lượng cơ động chủ yếu tiêu diệt bộ đội chủ lực ta; dùng ngụy quân, ngụy quyền để bình định, kìm kẹp Nhân dân, âm mưu đánh bại cách mạng miền Nam trong vòng 25 đến 30 tháng (từ giữa 1965 đến hết 1967), đẩy mạnh chiến tranh phá hoại miền Bắc bằng không quân và hải quân.

Trên chiến trường miền Nam, quân và dân ta đã đánh thắng quân xâm lược Mỹ ngay từ những trận đầu khi chúng vừa đổ bộ vào. Tiếp theo những trận thắng oanh liệt ở Núi Thành, Vạn Tường, Plâyme, Đất Cuốc, Bầu Bàng, ta lại đánh bại ba cuộc hành quân lớn của Mỹ vào miền Đông Nam Bộ, đánh thắng lớn ở các chiến trường Tây Nguyên, miền Tây khu V, Đường 9, đồng bằng Nam Bộ và các mục tiêu chủ yếu của địch ở các thành phố lớn. Quân dân miền Bắc tiếp tục đánh trả cuộc tiến công của Mỹ bằng không quân và hải quân, giành những thắng lợi lớn, bảo đảm giao thông thông suốt, chi viện sức người, sức của ngày càng lớn cho miền Nam. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968 đã giáng một đòn quyết định vào chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của đế quốc Mỹ, buộc chúng phải xuống thang chiến tranh và ngồi vào bàn đàm phán với ta tại Hội nghị Pari, đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của dân tộc ta bước vào giai đoạn mới.

Giai đoạn từ năm 1969 đến năm 1973:

Phát huy sức mạnh liên minh chiến đấu Việt Nam với Lào, Campuchia, làm thất bại một bước chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”, đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân, hải quân lần thứ hai ở miền Bắc, tạo thế mạnh trong đàm phán. Đế quốc Mỹ thi hành chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”, từng bước mở rộng chiến tranh sang Campuchia, Lào. Thủ đoạn xảo quyệt của Mỹ là thực hiện chiến tranh hủy diệt và chiến tranh giành dân, chiến tranh bóp nghẹt để làm suy yếu cuộc kháng chiến của Nhân dân ta trên cả hai miền Nam - Bắc. Quân và dân ta phối hợp với quân, dân hai nước Lào, Campuchia đánh bại một bước quan trọng chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”. Những thắng lợi của chiến tranh cách mạng ba nước Đông Dương trong hai năm 1970-1971 đã tạo thuận lợi cho cuộc kháng chiến chống Mỹ vào Hà Nội và Hải Phòng và các thành phố, các trung tâm, khu công nghiệp lớn miền Bắc (tháng 12/1972), cứu nước của Nhân dân ta. Nhờ chuẩn bị tốt lực lượng, nắm đúng thời cơ, quân và dân ta đã liên tiếp giành thắng lợi lớn trên chiến trường, nhất là cuộc tiến công chiến lược năm 1972 và đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai ở miền Bắc, nổi bật là đánh thắng cuộc tập kích chiến lược bằng máy

bay B52 của Mỹ, làm thay đổi cục diện chiến trường, cục diện chiến tranh. Trong đàm phán, chúng ta cũng khôn khéo tiến công địch, phối hợp chặt chẽ giữa “đánh và đàm”, buộc Mỹ phải ký Hiệp định Pari, rút hết quân Mỹ và quân các nước chư hầu ra khỏi miền Nam. So sánh lực lượng thay đổi hẳn, có lợi cho ta, tạo điều kiện cơ bản nhất để ta giành thắng lợi cuối cùng.

Giai đoạn từ cuối năm 1973 đến ngày 30/4/1975:

Tạo thế và lực, tạo thời cơ, kiên quyết tiến hành cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975, kết thúc thắng lợi trọn vẹn cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước. Sau khi ký Hiệp định Pari, mặc dù buộc phải rút hết quân nhưng đế quốc Mỹ vẫn tiếp tục âm mưu dùng ngụy quân, ngụy quyền làm công cụ để thực hiện chủ nghĩa thực dân mới ở miền Nam Việt Nam. Mỹ tăng cường tiền của, vũ khí, phương tiện chiến tranh cho ngụy lán đất, giành dân, khống chế nhân dân, thực hiện các hoạt động ngoại giao xảo quyệt để ngăn chặn sự phát triển của cách mạng miền Nam. Đến tháng 5/1973, xu thế chống phá Hiệp định Pari của địch ngày càng tăng. Chúng điên cuồng đánh phá hòng xóa bỏ vùng giải phóng của ta, đẩy lùi lực lượng cách mạng.

Tháng 7/1973, Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 21 đã khẳng định con đường cách mạng miền Nam vẫn là con đường bạo lực và đề ra các nhiệm vụ lớn cho hai miền Nam - Bắc. Nửa cuối năm 1974, cuộc chiến tranh của quân và dân ta ở miền Nam chống lại chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” đã giành được thắng lợi. Tạng ngày càng mạnh lên, ngụy ngày càng suy yếu rõ rệt. Nước Mỹ lâm vào khủng hoảng nội bộ. Tháng 7/1974, Đảng ta chỉ đạo Bộ Tổng tham mưu Quân đội nhân dân Việt Nam xây dựng kế hoạch chiến lược giải phóng miền Nam trong hai năm 1975-1976, nếu thời cơ đến sẽ giải phóng miền Nam trong năm 1975. Thắng lợi toàn miền, nhất là của miền Đông Nam Bộ, đặc biệt là chiến thắng Phước Long cuối năm 1974 - đầu năm 1975 càng cho thấy thực tế suy yếu của quân ngụy Sài Gòn và khả năng Mỹ khó quay lại Việt Nam. Đảng ta nhận định thời cơ giải phóng hoàn toàn miền Nam đã đến.

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 bắt đầu từ ngày 4/3 bằng ba đòn chiến lược: Chiến dịch Tây Nguyên mở đầu bằng trận đột phá đánh chiếm Buôn Ma Thuột, giải phóng Tây Nguyên; Chiến dịch giải phóng Huế - Đà Nẵng và Chiến dịch Hồ Chí Minh giải phóng Sài Gòn - Gia Định kết thúc vào ngày 30/4. Qua gần 2 tháng chiến đấu với sức mạnh áp đảo về chính trị và quân sự, quân và dân ta đã giành được toàn thắng, kết thúc 21 năm kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược.

Ý nghĩa lịch sử

- Đối với Việt Nam: Thắng lợi của Nhân dân ta trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là thành quả vĩ đại nhất của sự nghiệp giải phóng dân tộc,

giải phóng xã hội do Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo; là trang sử hào hùng và chói lọi trên con đường dựng nước và giữ nước mấy ngàn năm của dân tộc. Nhân dân ta đánh thắng kẻ thù lớn mạnh và hung hãn nhất của loài người tiến bộ; kết thúc oanh liệt cuộc chiến đấu 30 năm giành độc lập tự do, thống nhất cho đất nước; chấm dứt ách thống trị hơn một thế kỷ của chủ nghĩa thực dân cũ và mới trên đất nước ta; đánh dấu bước ngoặt quyết định trong lịch sử dân tộc, đưa đất nước ta bước vào kỷ nguyên độc lập tự do, cả nước đi lên CNXH.

- Đối với thế giới: Thắng lợi của Nhân dân ta trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là thắng lợi tiêu biểu của lực lượng cách mạng thế giới; góp phần thúc đẩy mạnh mẽ cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì mục tiêu độc lập dân tộc, hoà bình, dân chủ và tiến bộ xã hội; cổ vũ, động viên các dân tộc đang tiến hành công cuộc giải phóng dân tộc, chống chủ nghĩa đế quốc; mở đầu sự phá sản của chủ nghĩa thực dân mới trên toàn thế giới.

Nguyên nhân thắng lợi

Một là, sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam là nhân tố quyết định hàng đầu bảo đảm thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

Hai là, nhân dân và các lực lượng vũ trang nhân dân đã phát huy truyền thống yêu nước, chủ nghĩa anh hùng cách mạng, một lòng đi theo Đảng, đi theo Bác Hồ, chiến đấu dũng cảm, ngoan cường, bền bỉ, lao động quên mình vì độc lập tự do của Tổ quốc, vì CNXH và vì quyền con người.

Ba là, cả nước đoàn kết, thống nhất ý chí và hành động, trên dưới một lòng, triệu người như một, quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược.

Bốn là, kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại, tạo thành sức mạnh tổng hợp đánh Mỹ và thắng Mỹ.

Năm là, đoàn kết, liên minh chiến đấu với nhân dân Lào và nhân dân Campuchia; đoàn kết quốc tế.

Bài học kinh nghiệm

Thứ nhất: Xác định đường lối cách mạng đúng đắn, sáng tạo, phù hợp với đặc điểm của cách mạng Việt Nam.

Thứ hai: Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.

Thứ ba: Vận dụng một cách sáng tạo, linh hoạt phương pháp đấu tranh cách mạng, phương thức tiến hành chiến tranh toàn dân và nghệ thuật quân sự chiến tranh toàn dân, xây dựng và phát triển lý luận chiến tranh cách mạng, chiến tranh nhân dân Việt Nam.

Thứ tư: Chủ động, nhạy bén, linh hoạt trong chỉ đạo chiến lược chiến tranh cách mạng và nghệ thuật tạo và nắm thời cơ giành những thắng lợi quyết định.

Thứ năm: Phải luôn luôn chú trọng xây dựng Đảng trong mọi hoàn cảnh, nâng cao sức chiến đấu và phát huy hiệu lực lãnh đạo của Đảng.

II. LỊCH SỬ, Ý NGHĨA NGÀY QUỐC TẾ LAO ĐỘNG 1/5 VÀ CÁCHHOẠT ĐỘNG HƯỞNG ỨNG TẠI VIỆT NAM.

1. Lịch sử và ý nghĩa Ngày Quốc tế Lao động 1/5

Từ nửa cuối thế kỷ XIX, chủ nghĩa tư bản bước sang giai đoạn độc quyền, sản xuất công nghiệp tăng nhanh; ở một số nước như Anh, Pháp, Đức, Mỹ...pháttriển mạnh mẽ. Cùng với những bước tiến của nền kinh tế tư bản, giai cấp tư sản tăng cường bóc lột và bần cùng hóa công nhân lao động; mâu thuẫn giai cấp ngày càng sâu sắc, dẫn đến nhiều cuộc đấu tranh giữa giai cấp vô sản với giai cấp tư sản diễn ra với quy mô ngày càng lớn.

Trong cuộc đấu tranh đó, vấn đề thời gian lao động có ý nghĩa quan trọng. Ngay sau khi thành lập Quốc tế I năm 1864, C.Mác coi việc rút ngắn thời gian lao động là một nhiệm vụ đấu tranh của giai cấp vô sản. Tại Đại hội lần thứ nhất của Quốc tế I họp tại Gieneve (Thụy Sĩ) tháng 9/1866, vấn đề đấu tranh đòi ngày làm việc 8 giờ được coi là nhiệm vụ quan trọng. Khẩu hiệu “Ngày làm 8 giờ” sớm xuất hiện ở một số nơi của nước Anh - nước có nền công nghiệp phát triển sớm nhất thế giới. Yêu sách này dần lan sang các nước khác.

Nước Mỹ, từ một quốc gia có nền kinh tế lạc hậu, phụ thuộc vào châu Âu, đã mở rộng sản xuất, nhanh chóng phát triển trở thành nước công nghiệp hàng đầu thế giới. Thành phố Chi-ca-gô trở thành trung tâm thương nghiệp của Mỹ. Nước Mỹ lao vào cuộc chạy đua cạnh tranh tư bản quyết liệt. Các guồng máy chạy hết công suất suốt ngày đêm, hàng vạn công nhân bị bắt buộc làm việc mỗi ngày từ 14 – 18 giờ, phụ nữ quần quật lao động không kém gì nam giới, nhưng đồng lương chỉ bằng 1/2 nam giới và suốt tuần không có ngày nghỉ; trẻ em phải làm việc 12 giờ/ngày.

Ngày 1/5/1886, tại thành phố Chi-ca-gô (Mỹ), hưởng ứng lời kêu gọi của “Liên đoàn lao động Mỹ”, hàng chục ngàn công nhân toàn thành phố tiến hành bãi công, tổ chức mít tinh và biểu tình trên đường phố (40 ngày không đến nhà máy làm việc). Khẩu hiệu “Ngày làm việc 8 giờ” trở thành tiếng nói chung của giai cấp công nhân, chính quyền tư sản rơi vào thế bị động. Cuộc đấu tranh vì mục tiêu dân sinh, dân chủ, vì sự tiến bộ xã hội bị đàn áp đẫm máu, song đã tạo được sự hưởng ứng, ủng hộ mạnh mẽ của công nhân khắp nước Mỹ lên tiếng ủng hộ yêu sách của công nhân Chi-ca-gô. Công nhân Pháp, Ý, Tây Ban Nha, Hà Lan...tổ chức nhiều cuộc mít tinh bày tỏ sự đồng tình với công nhân Mỹ.

Để ghi nhận những thành quả của phong trào công nhân các nước, ngay trong Đại hội thành lập Quốc tế thứ II, được triệu tập ngày 14/7/1889, các đại biểu của giai cấp công nhân đã thông qua Nghị quyết lấy ngày 1/5 làm ngày đoàn

kết đấu tranh của công nhân lao động trên toàn thế giới. Từ đó ngày 1/5 trở thành ngày Quốc tế Lao động.

Thực hiện Nghị quyết của Quốc tế thứ II, ngày 1/5/1890 lần đầu tiên, Ngày Quốc tế Lao động được kỷ niệm với quy mô thế giới. Công nhân ở các nước Mỹ, Canada, Pháp, Đức, Áo, Đan Mạch, Bỉ, Thụy Điển, Hà Lan, Ý và nhiều nước khác tiến hành bãi công, mít tinh, xuống đường biểu tình mang theo biểu ngữ “Ngày làm 8 giờ”, “Vô sản tất cả các nước đoàn kết lại”.

Ngày Quốc tế Lao động 1/5 đã trở thành ngày Lễ tại nhiều quốc gia trên thế giới, dành để tôn vinh lao động và gây dựng đoàn kết lao động trên thế giới; là ngày hội của giai cấp công nhân và nhân dân lao động trên toàn thế giới, ngày đoàn kết giai cấp công nhân và các dân tộc bị áp bức trên thế giới trong cuộc đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

2. Hoạt động hưởng ứng Ngày Quốc tế Lao động 1/5 tại Việt Nam

Từ những năm đầu của thế kỷ XX, đồng chí Nguyễn Ái Quốc (Chủ tịch Hồ Chí Minh) đã truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam, giúp công nhân lao động (CNLD) Việt Nam hiểu rõ phong trào cộng sản, công nhân, công đoàn thế giới, nhất là về Cách mạng Tháng Mười Nga và Ngày Quốc tế Lao động 1/5. Ngày 1/5/1925, công nhân Chợ Lớn, công nhân đường sắt Dĩ An và công nhân Đà Nẵng biểu tình bày tỏ ý chí bảo vệ Liên bang Xô - Việt.

Tháng 2/1930, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời. Ngay trong Cương lĩnh đầu tiên, Đảng xác định vai trò, sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân (GCCN) Việt Nam là giai cấp lãnh đạo cách mạng, nòng cốt trong khối liên minh công - nông. Phong trào đấu tranh ngày 1/5/1930 đã mở đầu cho cao trào cách mạng 1930 - 1931. Lần đầu tiên dưới sự lãnh đạo của Đảng và hướng dẫn, vận động của Công hội đỏ, công nhân cùng nông dân mít tinh biểu tình kỷ niệm Ngày Quốc tế Lao động 1/5, đấu tranh đòi quyền lợi, bày tỏ tình đoàn kết với CNLD thế giới.

Ngày 18/2/1946, Hồ Chủ tịch ký Sắc lệnh số 22c quy định ngày 1/5 là một trong những ngày lễ chính thức của nước ta. Ngày 29/4/1946, Hồ Chủ tịch ký Sắc lệnh số 56 quy định công nhân được hưởng lương ngày nghỉ lễ Quốc tế Lao động 1/5. Ngày 1/5/1946, lần đầu tiên trong lịch sử nước ta, Ngày Quốc tế Lao động 1/5 được tổ chức kỷ niệm trọng thể tại Hà Nội, với sự tham dự của 20 vạn nhân dân lao động. Từ đó, Ngày Quốc tế Lao động (1/5) hằng năm là một trong những ngày lớn của đất nước, ngày hội của GCCN và nhân dân lao động Việt Nam.

Ngày 1/5/1951, trong lời kêu gọi nhân ngày Quốc tế Lao động, Bác Hồ xác định “Trọng tâm thi đua là: Quân đội thi đua giết giặc lập công. Công nhân thi đua tăng gia sản xuất. Nông dân thi đua sản xuất lương thực. Trí thức thi đua sáng tác, phát minh. Cán bộ thi đua cần, kiệm, liêm, chính. Toàn dân thi đua tích

cực tham gia kháng chiến”. Ngày 1/5/1958, Bác đưa ra “Lời kêu gọi nhân Ngày Quốc tế Lao động” khẳng định: “Hôm nay, cùng với nhân dân lao động toàn thế giới, chúng ta nhiệt liệt chào mừng Ngày 1/5 trong lòng đầy tin tưởng và phấn khởi quyết tâm vượt mọi khó khăn, tiến lên làm tròn những nhiệm vụ mới...”. Ngày 1/5/1964, nhân Ngày Quốc tế Lao động, Bác gửi điện khen ngợi thanh niên trên công trường khôi phục đường sắt Thanh Hoá - Vinh, trong đó có việc xây lại Cầu Hàm Rồng.

Kể từ sau năm 1975, kỷ niệm Ngày Quốc tế Lao động 1/5 ở Việt Nam ngày càng có ý nghĩa khi toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta kỷ niệm Ngày Chiến thắng 30/4. Đây là dịp giai cấp công nhân và nhân dân lao động cả nước ôn lại truyền thống đấu tranh chống ngoại xâm; sôi nổi hưởng ứng các phong trào thi đua yêu nước để bày tỏ lòng tưởng nhớ, biết ơn sâu sắc với Chủ tịch Hồ Chí Minh - lãnh tụ vĩ đại của dân tộc ta. Người đã có công lao rất to lớn giúp nhân dân ta ý thức được ý nghĩa lịch sử và tác động của việc kỷ niệm Ngày Quốc tế Lao động 1/5, từ đó càng thêm quyết tâm đi theo con đường cách mạng do Đảng và Bác kính yêu đã lựa chọn, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

II. ĐÓNG GÓP CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN, TỔ CHỨC CÔNG ĐOÀN VIỆT NAM QUA CÁC THỜI KỲ CÁCH MẠNG

1. Sự ra đời của tổ chức Công đoàn Việt Nam (28/7/1929)

Năm 1858, thực dân Pháp nổ súng tấn công xâm lược Việt Nam, đánh dấu bằng sự kiện đổ quân lên bán đảo Sơn Trà (Đà Nẵng). Mục đích của chúng là chiếm Việt Nam làm thị trường tiêu thụ hàng hóa, khai thác tài nguyên và bóc lột nhân công rẻ mạt; chiếm Việt Nam làm căn cứ quân sự của Pháp tại vùng Đông Nam Á.

GCCN Việt Nam ra đời trong quá trình khai thác thuộc địa của thực dân Pháp, tính đến năm 1929, tổng số công nhân làm việc trong các doanh nghiệp tư bản Pháp là hơn 22 vạn người, trong đó 5,3 vạn thợ mỏ; 8,6 vạn công nhân các ngành công, thương nghiệp; 8,1 vạn công nhân các đồn điền.

Có áp bức, có đấu tranh. Bị thực dân Pháp bóc lột nặng nề, công nhân Việt Nam đã đấu tranh chống lại. Tuy nhiên, phần lớn các cuộc đấu tranh thời kỳ này vẫn còn tản mạn và mang tính tự phát, thiếu tổ chức và lãnh đạo.

Ngày 28/7/1929, theo quyết định của Đông Dương Cộng sản Đảng, Nguyễn Đức Cảnh triệu tập hội nghị đại biểu Công hội đỏ Bắc Kỳ lần thứ nhất, họp tại ngôi nhà số 15 Hàng Nón, Hà Nội. Hội nghị nhất trí thông qua chương trình, điều lệ và phương hướng hoạt động, bầu Ban Chấp hành lâm thời do Nguyễn Đức Cảnh phụ trách.

Ngày 3/2/1930, Nguyễn Ái Quốc đã chủ trì Hội nghị thống nhất các tổ chức cộng sản Đảng, thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, lực lượng nòng cốt là hội viên Công hội đỏ Bắc Kỳ.

2. Phong trào công nhân và hoạt động Công hội đỏ trong những năm (1930 – 1945)

Đầu năm 1929, cuộc khủng hoảng kinh tế các nước tư bản đã ảnh hưởng trực tiếp đến nước Pháp. Chính quyền thuộc địa trút mọi hậu quả lên đầu nhân dân Việt Nam. Đời sống của GCCN vốn đã khó khăn, lại càng khó khăn thêm. Trước tình hình đó, Công hội đỏ đã lãnh đạo công nhân lao động đấu tranh trong cao trào cách mạng 1930 - 1931, với trận ra quân đầu tiên của công nhân Nhà máy Xe lửa Trảng Thi (Hà Nội), Nhà máy cơ, Nhà máy Diêm Bến Thủy (TP. Vinh - Nghệ An) đứng vào ngày 01/5/1930. Phong trào cách mạng dâng cao, bộ máy chính quyền của đế quốc và phong kiến ở nhiều vùng nông thôn bị tan rã hoặc tê liệt, tổ chức Nông hội đỏ quản lý, điều hành mọi hoạt động trong làng xã. Lần đầu tiên tại Việt Nam, đã xuất hiện một hình thức chính quyền mới, chính quyền của những người lao động - chính quyền Xô viết Nghệ Tĩnh. Xô viết Nghệ Tĩnh để lại cho GCCN những bài học quý giá về giành và xây dựng chính quyền cách mạng công nông.

Những năm 1932 - 1935, phong trào cách mạng của GCCN Việt Nam bị thực dân Pháp đàn áp dã man, hầu hết số cán bộ Đảng và Công hội đỏ đều bị địch bắt, khiến cho mối liên lạc giữa Đảng và quần chúng, giữa Công hội đỏ và phong trào công nhân tưởng như bị đứt đoạn. Thêm vào đó, tình trạng khủng hoảng kinh tế vẫn rất trầm trọng và kéo dài, làm cho tám vạn người thất nghiệp, tình cảnh GCCN càng thêm điêu đứng, cực khổ. Nhờ sự nỗ lực kiên cường của cán bộ, hội viên và nhiệt tình cách mạng của GCCN, phong trào cách mạng trong cả nước bắt đầu hồi phục.

Từ 1936 - 1939, là thời kỳ vận động cách mạng sôi nổi và thắng lợi chưa từng thấy dưới thời Pháp thống trị, nhằm đòi tự do, dân chủ, cơm áo và hòa bình của GCCN Việt Nam. Hàng trăm cuộc bãi công của công nhân do các hội Ái hữu tổ chức đã giành được thắng lợi, buộc chính quyền thực dân phải ban hành nhiều thông tư, nghị định hữu giải quyết các yêu cầu thiết thực của công nhân như tăng lương, giảm giờ làm từ 10 giờ/ngày xuống 8 giờ/ngày kể từ ngày 1/1/1938 và bảo đảm nhiều quyền tự do dân chủ khác. Điển hình là cuộc bãi công của 3 vạn công nhân khu mỏ than Hòn Gai (11/1936); công nhân xe lửa tuyến Vinh - Dĩ An (1937); cuộc biểu dương lực lượng của 3 vạn công nhân, lao động Hà Nội trong ngày 1/5/1938.

Ngày 01/9/1939, chiến tranh thế giới lần thứ hai bắt đầu đưa loài người vào một thảm họa mới. Lợi dụng tình thế chiến tranh, các đế quốc Anh, Pháp, càng mạnh tay bóp nghẹt phong trào dân chủ trong nước và thực hiện chính sách

hà khắc đối với các nước thuộc địa. Ngày 28/9/1939, toàn quyền Đông Dương ra nghị định cấm mọi hoạt động trực tiếp hoặc gián tiếp tuyên truyền cộng sản, lưu hành, tàng trữ mọi tài liệu của cộng sản, giải tán các hội Ái hữu, Nghiệp đoàn.

Tháng 5/1941, Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8 đã quyết định chuyển hướng chỉ đạo chiến lược, đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu. Mặt trận Việt Minh được thành lập, các hội quần chúng trở thành hội cứu quốc. Mặc dù bị địch đàn áp dã man, nhưng với tinh thần cách mạng, GCCN và Hội công nhân cứu quốc vẫn phát triển phong trào trên các địa bàn trọng yếu (Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định, Hòn Gai, Sài Gòn...).

Từ tháng 5/1945, GCCN tham gia phong trào đấu tranh chính trị kết hợp đấu tranh vũ trang, khởi nghĩa từng phần, thành lập chính quyền cách mạng của nhân dân. Để tăng cường cung cấp vũ khí cho cách mạng, hội viên công nhân cứu quốc ở nhiều xí nghiệp đã lấy nguyên vật liệu của nhà máy để chế tạo vũ khí, trang bị cho các tổ tự vệ chiến đấu.

Ngày 2/9/1945, dưới sự lãnh đạo sáng suốt, kiên quyết của Đảng, đứng đầu Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, GCCN đã trở thành lực lượng nòng cốt, cùng với nhân dân cả nước đứng lên giành chính quyền, làm nên cuộc Cách mạng tháng Tám thành công, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - Nhà nước Công nông đầu tiên ở Đông Nam Á.

3. Phong trào công nhân và hoạt động Công đoàn trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954)

Sau Cách mạng tháng Tám, đất nước ta gặp muôn vàn khó khăn, vừa phát triển kinh tế, xã hội, vừa chống giặc ngoại xâm. Công nhân đã tham gia chiến đấu bảo vệ cơ sở sản xuất của chính quyền cách mạng, tham gia bãi công, bãi thị và tiến công phá hoại các cơ sở kinh tế quan trọng của thực dân Pháp trên địa bàn.

Để thống nhất về tổ chức trên phạm vi cả nước, 20/6/1946, tại số nhà 51 Hàng Bồ (Hà Nội), Hội nghị cán bộ cứu quốc được triệu tập. Tại Hội nghị này, Hội công nhân cứu quốc được đổi thành “Công đoàn” và quyết định thành lập Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam. Ngày 20/7/1946, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam tuyên bố chính thức được thành lập và trọng thể ra mắt quần chúng lao động trong cả nước tại Nhà hát lớn thành phố Hà Nội. Đây là một sự kiện có ý nghĩa to lớn, đánh dấu sự trưởng thành của GCCN, phong trào công nhân và tổ chức Công đoàn Việt Nam.

Ngày 19/12/1946, hưởng ứng lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam tiếp tục chỉ đạo công nhân thực hiện nhiệm vụ xây dựng các cơ sở sản xuất vũ khí. Công đoàn Việt Nam đã động viên công nhân, viên chức cùng lực lượng vũ trang tham gia kháng chiến chống Pháp. Chỉ

trong mấy ngày đầu, hơn 3.230 công nhân ở nhiều địa phương và các ngành đã tham gia vận chuyển gần 7 nghìn tấn máy móc đến nơi an toàn.

Sau Chiến thắng Việt Bắc thu - đông năm 1947, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp chuyển sang giai đoạn mới, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam đã phối hợp với Bộ Quốc phòng vận động, tổ chức phong trào thi đua sản xuất vũ khí. Năm 1948, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam phát động phong trào “Tăng gia sản xuất vũ khí”, “Tăng gia sản xuất, tự túc ăn mặc”, hưởng ứng phong trào “Thi đua tích cực cầm cự, chuẩn bị tổng phản công” trong công nhân quân giới. Ngày 20/7/1949, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam phát động phong trào thi đua “Tích cực chuẩn bị tổng phản công” nhằm động viên toàn thể công nhân hoàn thành nhiệm vụ, phục vụ chiến đấu. Được sự tổ chức, động viên kịp thời của các cấp Công đoàn, năm 1950, công nhân đã sản xuất được trên 350 nghìn nông cụ các loại, 200 máy bơm nước, 40 xe đạp nước cung cấp cho nông nghiệp. Tính đến tháng 11/1950, CNLĐ vùng tự do đã quyên góp, ủng hộ cho Nhà nước 1.076.000 đồng. Ủng hộ nhân dân vùng bị nạn và bộ đội 16.000 bộ quần áo, 6.000 chiếc ba lô, 1.200 áo trấn thủ... Cùng với việc đẩy mạnh phong trào thi đua sản xuất, Công đoàn các cấp còn coi trọng việc vận động tăng gia cải thiện đời sống, làm tốt công tác văn hóa, giáo dục, nâng cao trình độ mọi mặt cho CNVCLĐ. Trong vùng địch tạm chiếm, Công đoàn đã bám lấy cơ sở, tuyên truyền giác ngộ công nhân, lao động, xây dựng và phát triển tổ chức Công đoàn, đẩy mạnh đấu tranh kinh tế, chính trị, góp phần làm suy yếu địch.

Giai đoạn cuối của cuộc kháng chiến, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam đã tích cực vận động GCCN cùng với giai cấp nông dân (GCND) xây dựng được khối liên minh công nông vững chắc, làm nòng cốt xây dựng và củng cố chính quyền nhân dân. Công đoàn Việt Nam đã góp phần tích cực vào chiến thắng Điện Biên Phủ lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu, kết thúc vẻ vang 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp đầy hy sinh, gian khổ và anh dũng của dân tộc Việt Nam.

4. Phong trào công nhân và hoạt động Công đoàn trong những năm xây dựng CNXH, chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ (1954 – 1975)

Sau chiến thắng Điện Biên Phủ, Việt Nam tạm thời bị chia thành hai miền, miền Bắc hoàn toàn được giải phóng và bắt tay vào công cuộc xây dựng Chủ nghĩa xã hội (CNXH), miền Nam còn dưới ách thống trị của đế quốc Mỹ.

Đáp ứng yêu cầu của tình hình mới, Hội nghị Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam (khóa I) họp vào tháng 8/1954 đã xác định nhiệm vụ trọng tâm là “Cần phải động viên, tổ chức đông đảo quần chúng lao động trong các đô thị thành một lực lượng mạnh mẽ làm chỗ dựa tốt nhất, chắc chắn nhất cho chính quyền tiến hành công tác tiếp thu, phục hồi sản xuất, giữ gìn an ninh, trật tự thành phố”.

Ở miền Bắc tiến hành công cuộc tái thiết đất nước, khó khăn tiếp tục đặt lên vai người công nhân. Với trách nhiệm chủ nhân của đất nước, đội ngũ CNVCLĐ đã đẩy mạnh sản xuất, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Nhờ vậy chỉ trong thời gian ngắn hoạt động sản xuất tại các cơ sở công nghiệp đã phục hồi. Qua thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, những điển hình trong phong trào thi đua yêu nước của GCCN được lan tỏa, như “Sóng Duyên Hải”, “Hợp tác xã Thành Công”, “Ba quyết tâm”... đã xuất hiện nhiều CNVCLĐ tiêu biểu được Đảng, Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng Lao động, là những tấm gương sáng trong học tập, lao động sản xuất và chiến đấu.

Ở miền Nam, phong trào công nhân, Công đoàn hoạt động trong điều kiện vô cùng khó khăn, đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai Ngô Đình Diệm ra sức khủng bố, đàn áp. Các ngành công nghiệp, thủ công nghiệp bị đình đốn, đời sống của CNVCLĐ khó khăn. Trước tình hình đó, Đảng đã chỉ đạo các cơ sở trong nội thành, trong các đồn điền phải tìm mọi cách bám đất, bám dân phát triển lực lượng, tổ chức cho công nhân đấu tranh.

Ngày 5/11/1957, Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ký Sắc lệnh số 108-SL/L10 về ban hành Luật Công đoàn đã tạo cơ sở pháp lý, nâng cao vị trí của tổ chức Công đoàn, củng cố vai trò lãnh đạo của GCCN trong tình hình mới. Thắng lợi của công cuộc khôi phục kinh tế, cải tạo xã hội chủ nghĩa và bước đầu phát triển kinh tế, văn hóa đã tạo ra những tiền đề quan trọng góp phần xây dựng và đưa miền Bắc tiến dần lên CNXH, đồng thời đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà, thành quả đó có đóng góp quan trọng của GCCN và tổ chức Công đoàn Việt Nam.

Trước những yêu cầu mới, Đại hội lần thứ II Công đoàn Việt Nam được tổ chức tại Hà Nội từ ngày 23-27/2/1961 đã quyết định đổi tên “Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam” thành “Tổng Công đoàn Việt Nam”. Mục tiêu của Đại hội là “Các cấp Công đoàn phải phát động phong trào thi đua lao động sản xuất, cần kiệm xây dựng CNXH với năng suất lao động, hiệu quả công tác, phục vụ và tham gia chiến đấu, quyết tâm giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước”.

Tổng Công đoàn Việt Nam tham gia xây dựng một số chế độ, chính sách bổ sung và sửa đổi về lao động, tiền lương, tiền thưởng. Liên hiệp Công đoàn các tỉnh, thành phố đã ký kết Nghị quyết liên tịch với cơ quan chính quyền đồng cấp về việc tổ chức thực hiện các chế độ, chính sách đối với công nhân viên chức lao động (CNVCLĐ). Nhiều công đoàn cơ sở đã kịp thời động viên CNVCLĐ thi đua lao động, sản xuất, phấn đấu hoàn thành kế hoạch được giao. Việc thực hiện quy tắc an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp được thực hiện tốt hơn, cải thiện điều kiện làm việc cho CNVCLĐ.

Năm 1965 Liên hiệp Công đoàn giải phóng miền Nam được thành lập đã không ngừng củng cố và phát triển, vừa tổ chức cho CNVCLĐ các thành phố

đấu tranh, vừa động viên CNVCLĐ vùng giải phóng đẩy mạnh sản xuất phục vụ chiến đấu. Trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy xuân Mậu thân 1968 và Chiến dịch Hồ Chí Minh, Công đoàn giải phóng đã vận động CNVCLĐ ở các đô thị đồng loạt nổi dậy, phối hợp với lực lượng vũ trang tiêu diệt địch, góp phần cùng toàn Đảng, toàn dân, toàn quân giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

5. Phong trào công nhân và hoạt động Công đoàn trong những năm cả nước thống nhất đi lên chủ nghĩa xã hội (1975 - 1986)

Đầu năm 1976, nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ra đời, đã tạo điều kiện cơ bản để thống nhất tổ chức Công đoàn trên phạm vi cả nước.

Thực hiện Chỉ thị của Bộ Chính trị, từ tháng 01/1976 Tổng Công đoàn Việt Nam và Liên hiệp Công đoàn giải phóng miền Nam bắt tay vào chuẩn bị các điều kiện cho việc thống nhất tổ chức Công đoàn của GCCN Việt Nam. Ngày 6/6/1976, Hội nghị Công đoàn toàn quốc được tổ chức tại thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định thống nhất Công đoàn hai miền Nam, Bắc thành “Tổng Công đoàn Việt Nam”. Những năm 1981-1982, Công đoàn đã tiến hành nhiều đợt tuyên truyền sâu rộng trong công nhân, viên chức về tình hình và nhiệm vụ của đất nước, về chủ trương, chính sách, nhất là các chính sách kinh tế của Đảng và Nhà nước. Đi đôi với giáo dục chính trị, Công đoàn đã có nhiều cố gắng trong việc duy trì phong trào học bổ túc văn hoá, kỹ thuật, nghiệp vụ; đẩy mạnh các hoạt động văn hoá, văn nghệ quần chúng, thể dục thể thao; công tác báo chí, xuất bản của Công đoàn đã có những tiến bộ mới.

Đại hội lần thứ V Công đoàn Việt Nam tiến hành từ ngày 16-18/11/1983 đã khẳng định mục tiêu: “Động viên công nhân, lao động thực hiện 3 chương trình kinh tế lớn của Đảng, là phát triển nông nghiệp, công nghiệp thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu”, Đại hội đã Quyết định lấy ngày 28/7/1929 là Ngày thành lập Công đoàn Việt Nam.

Các phong trào thi đua lao động sản xuất, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật trong CNVCLĐ đã tạo được bước chuyển biến tích cực, nhiều điển hình tiên tiến và nhân tố mới đã hình thành, góp phần to lớn vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Công tác phát triển đoàn viên được Công đoàn chú trọng, số đoàn viên và Công đoàn cơ sở ngày càng tăng lên. Bên cạnh đó, Công đoàn còn tham gia vào lĩnh vực bảo hiểm xã hội, bảo hộ lao động, đề nghị Nhà nước bổ sung phụ cấp ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, trợ cấp khó khăn... Các chế độ nghỉ ngơi, tham quan du lịch và các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao được duy trì, phát triển.

Trong 10 năm đầu xây dựng đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa (1975 - 1985), Công đoàn đã phối hợp với chính phủ tìm cách tháo gỡ khó khăn trong sản xuất và đời sống, tham gia với xí nghiệp, nhà máy thực hiện Chỉ thị

25/CP và 26/CP của Hội đồng Chính phủ về sản xuất và phân phối các ngành sản xuất công nghiệp; phát động phong trào thi đua nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả trong sản xuất; tuyên truyền, giáo dục CNVCLĐ các hiện tượng tiêu cực, thực hiện nghiêm luật pháp, chính sách của Nhà nước; thực hiện tốt chủ trương phát triển một số ngành công nghiệp nặng quan trọng phục vụ phát triển nông nghiệp, phát triển sản xuất hàng tiêu dùng phục vụ đời sống nhân dân, tìm các biện pháp chăm lo đời sống CNVC.

Kỷ niệm 55 năm Ngày thành lập Công đoàn Việt Nam (28/7/1929 - 8/7/1984), Nhà nước đã tặng Tổng Công đoàn Việt Nam Huân chương Sao Vàng - Huân chương cao quý nhất của Nhà nước Việt Nam.

6. Phong trào công nhân và hoạt động Công đoàn trong thực hiện đường lối đổi mới của Đảng (1986 - 2021)

Đất nước hòa bình, thống nhất, nhưng hậu quả của chiến tranh để lại rất nặng nề chưa được hàn gắn, thêm vào đó, chiến tranh biên giới Tây Nam, biên giới phía Bắc đã làm cho tình hình kinh tế, xã hội ở nước ta mất ổn định, đời sống của CNVCLĐ và nhân dân gặp muôn vàn khó khăn. Trong điều kiện đó, Đại hội toàn quốc lần thứ VI của Đảng (12/1986) đề ra đường lối đổi mới toàn diện, sâu sắc, giải phóng mọi tiềm năng sẵn có, phát triển nhiều thành phần kinh tế, mở rộng kinh tế đối ngoại, thực hiện ban chương trình kinh tế. Tháng 10/1988, Đại hội Công đoàn Việt Nam lần thứ VII quyết định đổi tên “Tổng Công đoàn Việt Nam” thành “Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam”.

Công tác Công đoàn và phong trào công nhân đã đạt được kết quả toàn diện, đáp ứng tốt hơn nhu cầu, nguyện vọng chính đáng của đoàn viên, CNVCLĐ. Công đoàn đã có những sáng tạo, đề xuất và tổ chức được nhiều chương trình hoạt động mới như: Chăm lo phúc lợi cho đoàn viên công đoàn; tổ chức “Tết Sum vầy” cho người lao động; xây dựng các thiết chế công đoàn, góp phần tháo gỡ những vấn đề bức xúc về nhà ở, nhà trẻ, nơi sinh hoạt văn hóa... cho người lao động (NLĐ). Đã có nhiều biện pháp linh hoạt, kịp thời cùng hệ thống chính trị giải quyết những vụ, việc liên quan đến công tác bảo đảm an ninh, trật tự, quyền lợi, đời sống của công nhân, viên chức, người lao động. Tổ chức đối thoại, thương lượng thỏa ước lao động tập thể, góp phần bảo đảm chế độ, chính sách và từng bước nâng cao phúc lợi, bảo đảm an sinh xã hội cho người lao động, thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh, xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ. Hoạt động tuyên truyền, giáo dục tạo được sức lan tỏa trong hệ thống. Phong trào thi đua yêu nước, trong công nhân, viên chức, lao động có sự chuyển biến tích cực. Tổ chức công đoàn ngày càng được củng cố và phát triển. Công tác tập hợp công nhân, người lao động đạt nhiều kết quả, số lượng đoàn viên tăng nhanh so với các nhiệm kỳ trước, xuất hiện nhiều hình thức tập hợp công nhân, viên chức, phát triển đoàn viên, thành lập công đoàn cơ sở

rộng khắp trong các doanh nghiệp. Mô hình tổ chức bộ máy, tổ chức công đoàn đang được hoàn thiện; chất lượng đội ngũ cán bộ công đoàn từng bước được nâng cao. Trên khắp các lĩnh vực đã xuất hiện nhiều tấm gương điển hình tiên tiến, công nhân, viên chức, lao động đi đầu và thành công trong lao động sản xuất kinh doanh, khẳng định vai trò của tổ chức công đoàn trong hệ thống chính trị, tô thêm truyền thống vẻ vang của Công đoàn Việt Nam.

Trong thời gian tới, người lao động và tổ chức Công đoàn Việt Nam đứng trước thời cơ mới, thách thức mới khi đất nước ngày càng hội nhập quốc tế sâu rộng; khi Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) được thực hiện. Vì vậy, tổ chức Công đoàn Việt Nam cần phát huy những kết quả đã đạt được, thực hiện tốt chức năng đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của NLĐ, trong đó tập trung vào các nhiệm vụ, giải pháp sau:

Một là, tập trung tuyên truyền, vận động cán bộ, đoàn viên, CNVCLĐ thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng; Nghị quyết Hội nghị TƯ 6 (khóa X) về tiếp tục xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Hai là, chăm lo, làm tốt nhiệm vụ xây dựng giai cấp Công nhân, xứng đáng là lực lượng nòng cốt, đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; chú trọng nâng cao nhận thức, bản lĩnh chính trị, và trình độ cách mạng của giai cấp công nhân; đào tạo cán bộ xuất thân từ công nhân.

Ba là, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của Công đoàn trong việc tham gia với Đảng, Nhà nước hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật liên quan đến NLĐ; thương lượng với người sử dụng lao động và tổ chức tốt việc ký kết thực hiện thỏa ước lao động tập thể, giải quyết tốt các tranh chấp lao động, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng cho NLĐ.

Bốn là, chủ động phối hợp với chính quyền phát động sâu rộng và tổ chức tốt các phong trào thi đua yêu nước; động viên đông đảo CNVC và NLĐ phát huy quyền làm chủ đất nước, đi đầu trong các phong trào thi đua phát triển kinh tế xã hội.

Năm là, xây dựng bộ máy tổ chức tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, góp phần xây dựng giai cấp công nhân, tổ chức Công đoàn vững mạnh, tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước trong sạch, vững mạnh.

BAN TUYÊN GIÁO TỈNH ỦY